



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 12

Số 291 (01/12/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
02-11-2009	Quyết định số 4948/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	02
02-11-2009	Quyết định số 4972/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.	12
03-11-2009	Quyết định số 85/2009/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố giai đoạn 2009 - 2015.	18
03-11-2009	Quyết định số 5010/QĐ-UBND ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	33

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4948/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng
Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Nhà Bè - thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2938/TTr-SQHKT ngày 16 tháng 10 năm 2009 về phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè;

Xét nội dung hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè do Viện Quy hoạch xây dựng lập,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè với các nội dung chính như sau:

1. Về vị trí giới hạn và phạm vi quy hoạch:

1.1. Vị trí giới hạn: Khu đất quy hoạch có các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông : giáp sông Soài Rạp.
- Phía Tây : giáp huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Phía Nam : giáp sông Soài Rạp.
- Phía Bắc : giáp xã Long Thới.

1.2. Quy mô diện tích và dân số:

Quy mô diện tích: 3.911,99ha. Trong đó:

Toàn bộ xã Hiệp Phước: 3.802,19ha (diện tích phần đất: 2.771,55ha và sông, rạch: 1.030,64ha).

Một phần xã Long Thới: 109,8ha (diện tích phần đất Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 1: 102,5ha và diện tích sông Đổng Điền: 7,3ha).

Dân số hiện trạng (năm 2006): 10.637 người.

Dân số dự kiến năm 2020: khoảng 180.000 người.

2. Tính chất và chức năng quy hoạch:

Đô thị cảng Hiệp Phước là khu đô thị đa chức năng của thành phố Hồ Chí Minh, với tính chất đặc thù là cảng biển. Cụ thể:

- Là khu đô thị cảng biển quốc tế quy mô lớn, đầu mối trung chuyển phục vụ thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

- Là khu đô thị công nghiệp, với khu công nghiệp tập trung quy mô lớn, đa ngành, đa dạng về sản phẩm, đặc biệt các loại công nghiệp gắn với cảng và vận tải đường thủy.

- Là khu đô thị dịch vụ logistics, đặc biệt phục vụ cho các hoạt động cảng, sản xuất công nghiệp, vận tải biển, xuất nhập khẩu hàng hóa thông qua cảng biển.

- Là khu đô thị hiện đại, với các khu ở đầy đủ tiện nghi và cơ sở hạ tầng đồng bộ, hoàn chỉnh, môi trường sống chất lượng cao.

3. Định hướng quy hoạch:

Dự báo quy mô dân số của Khu đô thị cảng Hiệp Phước đến giai đoạn ổn định (năm 2020): khoảng 180.000 dân.

3.1. Khu đô thị Hiệp Phước:

- Với các khu hành chính, thương mại dịch vụ, giáo dục, nghỉ dưỡng, thể thao và dân cư là một khu đô thị hoàn chỉnh, đồng bộ gắn kết với khu cảng, công nghiệp - dịch vụ cảng - logistics phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ hợp cùng các chức năng trên để hình thành Khu đô thị cảng Hiệp Phước.

- Chức năng: Khu đô thị có mối quan hệ tương hỗ với các khu đô thị lân cận trong vùng phát triển phía Nam của thành phố, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho khu cảng và khu công nghiệp - dịch vụ cảng - logistics và phục vụ các nhu cầu của cư dân địa phương, công nhân, người lao động, nhân viên kỹ thuật, chuyên gia đến cư trú và làm việc tại khu công nghiệp - cảng.

- Khu trung tâm - thương mại dịch vụ: là những khu đất phức hợp bố trí ở hai bên tuyến đường Nguyễn Văn Tạo phát triển đa dạng, nhưng định hướng ưu tiên liên quan đến hoạt động cảng, hàng hải, xuất nhập khẩu và phân phối hàng hóa.

- Các khu ở:

+ Khu tái định cư: dự kiến bố trí khoảng 107,8ha cho mục đích tái định cư, bao gồm 57,8ha của 2 khu tái định cư Hiệp Phước 1, 2 và khoảng 50ha được bố trí trong thành phần khu đô thị.

+ Khu ở cho công nhân và lao động có thu nhập thấp và trung bình làm việc tại khu cảng, khu công nghiệp/ dịch vụ cảng/ logistics và các cơ sở thương mại dịch vụ.

+ Khu ở cao cấp, dành cho chuyên gia và những người có thu nhập cao làm việc tại khu đô thị và những người khác có nhu cầu.

+ Khu lưu trú (phục vụ cho các chuyên gia, nhân viên kỹ thuật và người có nhu cầu đến làm việc ngắn hạn tại khu đô thị cảng, cho khách vắng lai, v.v...).

3.2. Khu công nghiệp - dịch vụ cảng - logistics:

Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 1 (311,4ha) và Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 2 (651,66ha) đã hình thành và khu công nghiệp - dịch vụ cảng - logistics Hiệp Phước (thuộc giai đoạn 3) là tiền đề và động lực phát triển Khu đô thị cảng Hiệp Phước.

Quy hoạch khu cảng Hiệp Phước khoảng 335ha, với công suất dự kiến khoảng 130 triệu tấn/năm.

- Chức năng:

+ Khu công nghiệp - dịch vụ cảng - logistics ưu tiên phát triển đa dạng các ngành dịch vụ cảng, phục vụ có hiệu quả các hoạt động của tàu, thủy thủ và hành

khách. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp mang tính công nghệ kỹ thuật cao và có liên quan đến hàng hải.

+ Về lĩnh vực logistics: chú trọng phát triển nhằm khai thác vị thế một khu cảng lớn, tạo một động lực phát triển mới, góp phần duy trì vị trí quan trọng của thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực cảng, xuất nhập khẩu và phân phối hàng hóa.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

4.1. Khu đô thị Hiệp Phước:

4.1.1. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đến năm 2020:

- Dân số quy hoạch : 180.000 người
- Đất dân dụng : 52 - 58 m²/người
- + Đất đơn vị ở : 26 - 28 m²/người
- + Đất công trình công cộng : 5 - 6 m²/người
- + Đất cây xanh : 9 - 10 m²/người
- + Đất giao thông : 12 - 14 m²/người
- Mật độ xây dựng
- + Khu dân cư : 25 - 40 %
- + Công trình công cộng : 35 - 50%
- Tầng cao xây dựng
- + Tầng cao tối thiểu : 2 tầng
- + Tầng cao tối đa : không khống chế (tùy theo từng vị trí cụ thể)
- Hệ số sử dụng đất chung : ≤ 2

4.1.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông : chiếm 20 - 22% diện tích
- Chuẩn bị kỹ thuật : ≥ 2,3m (cao độ Hòn Dấu)
- Tiêu chuẩn cấp nước : 300 lít/người/ngày.đêm
- + Cấp nước sinh hoạt : 200 lít/người/ngày.đêm
- + Cấp nước công cộng dịch vụ : 50 lít/người/ngày.đêm
- + Cấp nước khách vắng lai : 30 lít/người/ngày.đêm

- + Cấp nước tưới cây, rửa đường : 20 lít/người/ngày.đêm
- Tiêu chuẩn cấp điện : 2.500 - 3.000 KWh/người/năm
- Tiêu chuẩn thoát nước bản : 280 lít/người/ngày.đêm
- Tiêu chuẩn rác thải : 1,3 kg/người/ngày
- Thông tin liên lạc : 1 - 2 máy ĐT/hộ.

4.2. Khu công nghiệp Hiệp Phước:

- Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 1: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo nội dung Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 1, huyện Nhà Bè.

- Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 2: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo nội dung Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 2, tại xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.

4.3. Khu công nghiệp và dịch vụ cảng - logistics:

4.3.1. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Mật độ xây dựng chung : $\leq 50\%$
- + Xí nghiệp công nghiệp, kho tàng: tối đa 70% và đảm bảo cho chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (mục 2.7.3, bản 2.4).
- + Dịch vụ cảng - logistics : $\leq 50\%$
- + Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 30 - 40%.
- Tầng cao xây dựng
- + Xí nghiệp công nghiệp, kho tàng
 - . Tối đa: Chiều cao tùy công nghệ sản xuất
 - . Tối thiểu: 1 tầng.
- + Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:
 - . Tối đa: Chiều cao tùy công nghệ sản xuất
 - . Tối thiểu: 1 tầng.
- + Dịch vụ cảng - logistics:

. Tối đa : 7 tầng

. Tối thiểu : 2 tầng.

4.3.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

+ Chỉ tiêu cấp nước công nghiệp : 50 m³/ha/ng.đêm

+ Chỉ tiêu thoát nước thải công nghiệp : 50 m³/ha/ng.đêm

+ Chỉ tiêu cấp điện : 400 KW/ha.

- Tiêu chuẩn rác thải công nghiệp và vệ sinh môi trường: 0,4 - 0,5 tấn/ha.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Hệ thống giao thông:

Tổ chức các tuyến giao thông đối ngoại, ra vào khu đô thị. Bao gồm:

- Ga và tuyến đường sắt từ các khu cảng, khu công nghiệp, ra tuyến đường sắt bên ngoài khu đô thị, kết nối với hệ thống đường sắt thành phố đi các vùng miền đất nước.

- Tuyến đường nối trục Bắc - Nam thành phố.

- Tuyến đường sắt nội đô.

- Tuyến đường ra quốc lộ 50.

- Tuyến đường kết nối với khu công nghiệp và dân cư Long Hậu - Tân Kim, khu công nghiệp và dân cư Tân Tập - Phước Vĩnh Đông, tỉnh Long An,...

- Tuyến đường kết nối các đường vành đai thành phố và đường cao tốc Bến Lức - Nhon Trạch - Long Thành.

- Tuyến đường thủy kết nối đường thủy nội địa của thành phố và vùng với cảng và đường biển.

Tổ chức hệ thống giao thông nội bộ khu đô thị bao gồm các đường trục chính, đường khu vực cảng, khu công nghiệp, khu dân cư, mạng đường nhánh trong các khu ở, nhóm nhà ở, v.v...

Tổ chức hệ thống các đầu mối giao thông, giao cắt, đồng mức và khác mức, cầu vượt và đường ngầm, đảm bảo giao lưu thông suốt trong khu đô thị và ra bên ngoài.

Tổ chức các tuyến và phương tiện giao thông công cộng trong khu đô thị, kết nối với hệ thống giao thông công cộng của thành phố đảm bảo đi lại trong khu đô thị, cho người lao động từ các nơi đến làm việc tại Khu đô thị cảng Hiệp Phước.

Tổ chức hệ thống bãi đậu xe, bến xe, bến cảng, tàu khách đường sắt, đường thủy.

5.2. Quy hoạch chiều cao và thoát nước mưa:

- Hầu hết diện tích khu đất quy hoạch đều trũng thấp, độ cao phổ biến từ 0,4 đến 1,0: cần thiết phải tôn đắp nền để xây dựng.

- Việc tôn đắp nền tùy thuộc yêu cầu loại công trình xây dựng, không đồng nhất toàn bộ diện tích khu đất quy hoạch.

- Cốt không chế nền xây dựng công trình cảng, xí nghiệp công nghiệp, kho bãi, nhà ở, công trình dân dụng, v.v...: $H_{XD} \geq 2,3$ m (cao độ Hòn Dấu).

- Cần cân nhắc giữ lại các sông rạch tự nhiên, kết hợp tạo hồ chứa điều tiết nước. Tính toán cân đối diện tích mặt nước, độ sâu cần thiết, nhằm đảm bảo hiệu quả thu thoát nước, tránh ngập tràn đường phố và các công trình xây dựng khi mưa lớn, triều cường.

5.3. Cấp điện:

- Tính toán đầy đủ nhu cầu phụ tải cho hoạt động cảng, sản xuất công nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác, cho sinh hoạt dân cư, điện chiếu sáng, v.v...

- Nguồn cấp điện:

+ Nhà máy điện Hiệp Phước.

+ Điện lưới quốc gia thông qua trạm biến áp 220/110 KV Nhà Bè.

- Mạng lưới cấp điện phân thành 2 hệ thống: hệ thống cấp điện cho cảng, khu công nghiệp và hệ thống cấp điện cho khu dân cư đô thị.

5.4. Cấp nước:

Tính toán nhu cầu nước, nguồn cấp nước và quy hoạch xây dựng hệ thống cấp nước tách riêng phần nước thô và nước sạch.

- Tính toán nhu cầu bao gồm nước cho sản xuất công nghiệp, nước sinh hoạt và những nhu cầu khác.

- Nguồn nước sạch lấy từ hệ thống cấp nước chung của thành phố.

- Dự tính khả năng nguồn nước ngầm tại chỗ và lân cận có thể khai thác.

5.5. Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

Xây dựng hai hệ thống thoát nước riêng biệt cho nước mưa và nước thải.

- Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống mương, cống ngầm, mương hở, kết hợp với hệ thống kênh rạch được giữ lại, nạo vét, cải tạo, cùng với các hồ chứa điều tiết nước, đảm bảo thoát nước mặt triệt để.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải cho cảng và khu công nghiệp tách riêng hệ thống thoát nước thải khu dân cư.

+ Nước thải từ các xí nghiệp, cảng và khu công nghiệp được xử lý cục bộ trong các nhà máy xí nghiệp, được thu gom vào hệ thống cống riêng, đưa về khu xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

+ Nước thải sinh hoạt dân cư được thu gom bằng hệ thống cống riêng, đưa về trạm xử lý tập trung của khu dân cư.

Tại các khu xử lý tập trung, nước thải được xử lý triệt để, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định trước khi xả ra hệ thống sông, rạch.

5.6. Về rác thải:

Rác từ khu công nghiệp/dịch vụ cảng/logistics và khu cảng được tập trung, phân loại, đưa về nhà máy xử lý rác công nghiệp của thành phố.

Rác thải sinh hoạt được tập trung, phân loại riêng đưa về nhà máy xử lý rác chung của thành phố.

5.7. Hệ thống thông tin liên lạc:

Xây dựng mạng thông tin liên lạc khu đô thị theo hướng hiện đại, sử dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất, đảm bảo kết nối mạng thành phố, quốc gia và quốc tế.

6. Một số vấn đề cần nghiên cứu khi lập đồ án quy hoạch chung:

- Ủy ban nhân dân thành phố đã có Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2008 về việc phê duyệt kết quả chấm giải cuộc thi ý tưởng quy hoạch tổng thể Khu đô thị cảng Hiệp Phước, Công ty Nikken Sekkei đoạt giải nhất với phương án có cấu trúc đô thị hợp lý, thể hiện được nét đặc trưng của khu đô thị cảng. Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận cùng đơn vị tư vấn khai thác tối đa ý tưởng phương án đoạt giải của Nikken Sekkei để thể hiện nét đặc trưng của một đô thị cảng văn minh hiện đại. Bố trí quỹ đất dành cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

- Giữ nguyên mặt sông Kênh lộ hiện hữu (không mở rộng); bổ sung quy hoạch diện tích hồ chứa nước nhân tạo, bảo đảm diện tích mặt nước trong địa bàn quy hoạch tăng ít nhất 20% so với diện tích mặt nước hiện trạng.

- Bổ sung quy hoạch 50ha đất cây xanh tập trung để đảm bảo chỉ tiêu cây xanh đất từ 9 - 10m²/người (trong đó xác định rõ cơ cấu diện tích cây xanh trong khu đô thị, khu công nghiệp cảng phù hợp với đặc trưng của vùng sông nước Nhà Bè - Cần Giò) bố trí hợp lý khoảng cây xanh cách ly giữa khu đô thị và khu công nghiệp, đồng thời dành 100ha đất dự trữ cho thành phố.

- Do đặc điểm điều kiện tự nhiên của khu đất có nhiều sông rạch, khi nghiên cứu quy hoạch cần khai thác triệt để hiện trạng sông rạch, kết hợp giữa nhân tạo và tự nhiên, công trình xây dựng với cây xanh và mặt nước, tạo được hiệu quả tích cực về môi trường sinh thái, không gian kiến trúc, cảnh quan, tạo sắc thái đặc trưng khu đô thị vùng sông nước.

- Khi thiết kế đô thị cần phân vùng kiến trúc, cảnh quan, đề xuất giải pháp tổ chức không gian trung tâm, cửa ngõ khu đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, các điểm nhấn trong khu đô thị, thể hiện được đặc trưng của Khu đô thị công nghiệp - cảng Hiệp Phước, cửa ngõ của thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhằm khai thác tính chất đặc thù của khu đô thị cảng, cần nghiên cứu bố trí khu trung tâm dịch vụ du lịch khách sạn, văn phòng cao cấp gắn với khu cảng hành khách.

- Việc quy hoạch giao thông Khu đô thị cảng Hiệp Phước cần tính toán hợp lý giữa đường sắt, đường thủy, đường bộ, giao thông công cộng; các đầu mối giao thông, giao cắt đồng mức và khác mức, cầu vượt và đường ngầm, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn thuận tiện trong khu đô thị và khu công nghiệp cảng kết nối với quy hoạch giao thông khu vực lân cận.

- Cần xác định rõ cơ cấu sử dụng đất của Khu đô thị cảng Hiệp Phước bảo đảm yêu cầu mục tiêu nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Khi nghiên cứu cốt không chế nền xây dựng cần nghiên cứu tác động của việc biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao để xác định cốt nền xây dựng phù hợp đối với từng khu chức năng.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ quy hoạch chung được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận và Viện Quy hoạch xây dựng thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu quy hoạch chung Khu đô thị cảng Hiệp Phước và trình duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu

tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Trưởng Ban Quản lý Khu Nam, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Giám đốc Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4972/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng
đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6, quận 8,
thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 8 đến năm 2025; Quyết định số 7545/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư và công nghiệp Bình Đăng, phường 6, quận 8;

Xét Tờ trình số 5348/UBND-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6, quận 8;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 2673/TTr-SQHKT ngày 17 tháng 9 năm 2009 về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6, quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6, quận 8, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, giới hạn phạm vi quy hoạch:

Khu vực diện tích 146,85ha, phường 6, quận 8, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp đường Phạm Thế Hiển và kênh Đôi.
- Phía Tây giáp rạch Bà Tàng và phường 7.
- Phía Đông giáp Quốc lộ 50 và phường 5.
- Phía Nam giáp khu Nam Sài Gòn.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ quy hoạch:

- Thực hiện chủ trương chung của Ủy ban nhân dân thành phố về di dời các nhà máy sản xuất công nghiệp ô nhiễm ra khỏi khu dân cư và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của quận 8 từ công nghiệp - thương mại - dịch vụ sang thương mại - dịch vụ - dân cư.

- Điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng phù hợp với quy mô dân số thực tế và định hướng phát triển trong tương lai (theo quy hoạch chi tiết điều chỉnh năm 2005, quy mô dân số quy hoạch là 24.000 người; dân số thực tế tháng 4/2009 là 29.000 người).

- Góp phần cải tạo cảnh quan, môi trường - vệ sinh chung của khu vực.

- Định hướng phát triển hệ thống giao thông và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác của quy hoạch phù hợp với nhu cầu thực tế, đáp ứng nhu cầu phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Tạo điều kiện thuận lợi phục vụ việc phát triển nhu cầu về thương mại, dịch vụ và dân dụng cho nhân dân trong khu vực nghiên cứu nói riêng và khu vực phía Tây Nam thành phố nói chung.

- Đáp ứng nhu cầu đô thị hóa tại khu vực và tình hình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn trong giai đoạn tới.

- Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu quy hoạch phù hợp với số liệu thực tế.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ quy hoạch:

- Phục vụ nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của quận 8, chuyển dần từ cơ cấu công nghiệp - thương mại - dịch vụ sang cơ cấu mới: thương mại - dịch vụ - dân cư phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội hiện nay.

- Thực hiện công tác phủ kín quy hoạch trên địa bàn quận là cơ sở pháp lý để thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và phục vụ công tác quản lý xây dựng, quản lý đô thị được hiệu quả.

- Xác định cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất hợp lý trong từng giai đoạn phát triển và giành quỹ đất cho đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư trong khu vực.

4. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Thương mại - dịch vụ và dân cư.

5. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

5.1. Cơ cấu sử dụng đất:

5.1.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc cơ bản:

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| - Tổng diện tích đất quy hoạch | : 146,85ha |
| - Dân số dự kiến | : 30.062 người |
| - Mật độ dân cư | : 259 người/ha |
| - Mật độ xây dựng chung | : 20 - 35% |
| - Tầng cao xây dựng tối thiểu | : 2 tầng |
| - Tầng cao xây dựng tối đa | : không khống chế |
| - Hệ số sử dụng đất | : 1,5 - 2 |

5.1.2. Cơ cấu sử dụng đất:

- | | |
|----------------|------------|
| * Đất đơn vị ở | : 107,46ha |
| • Đất nhóm nhà | : 57,05ha |

• Đất công trình công cộng khu ở	: 16,37ha
• Đất cây xanh - TĐTT	: 18,08ha
• Đất giao thông nội bộ	: 15,96ha
* Đất ngoài đơn vị ở	: 39,39ha

5.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc cụ thể của các khu chức năng:

- Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở	: 28,23 m ² /người
• Đất nhóm nhà ở	: 14,99 m ² /người
• Đất công trình công cộng khu ở	: 4,30 m ² /người
• Đất cây xanh - TĐTT	: 4,75 m ² /người
• Đất giao thông nội bộ	: 4,19 m ² /người
• Tiêu chuẩn cấp nước	: 200 lít/người/ngày
• Tiêu chuẩn thoát nước	: 200 lít/người/ngày
• Tiêu chuẩn cấp điện	: 1.500 - 2.500 WH/người/năm
• Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	: 1 - 1,5 kg/người/ngày

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Đất ở:

Đối với các khu xây dựng mới, vận dụng kết hợp nhiều loại hình nhà ở (liên kế, biệt thự vườn, house town, chung cư...) tạo sự phong phú trong bố cục tổ chức không gian khu ở và khai thác quỹ đất có hiệu quả.

Giải pháp bố cục không gian trong khu vực quy hoạch phải bám sát định hướng quy hoạch chung của quận và những dự án xung quanh nhằm mang lại hiệu quả về mặt phục vụ và thẩm mỹ cho toàn khu.

- Khu công trình công cộng:

Các công trình thương mại dịch vụ, giáo dục, văn hóa, y tế, công viên cây xanh, thể dục thể thao... bố trí trên trục giao thông chính (trục cảnh quan) tại khu vực trung tâm khu ở nhằm đáp ứng nhu cầu và bán kính phục vụ cho cộng đồng dân cư trong khu vực quy hoạch và thuận lợi cho việc tiếp cận đối với các khu dân cư lân cận.

7. Các điểm lưu ý khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

- Các kênh rạch giữ lại (xác định theo Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố) phải tổ chức quản lý để đảm bảo vệ sinh, cảnh quan, môi trường, đồng thời kết hợp giải quyết thoát nước cho khu vực;

- Cần xác định chính xác ranh, quy mô khu vực nghiên cứu tránh trùng với ranh của các dự án lân cận;

- Cần xác định rõ các trục đường thiết kế đô thị trong khu vực để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho khu vực nghiên cứu và khu vực lân cận;

- Khi triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật hồ sơ thiết kế kỹ thuật phải được cơ quan quản lý chuyên ngành thông qua đảm bảo kết nối hạ tầng đồng bộ của cả khu vực;

- Khi các dự án trong khu quy hoạch triển khai, ranh đất cụ thể của từng dự án phải được xem xét trên cơ sở tiếp giáp các đường trục chính quy hoạch hoặc chỉ giới sông rạch;

- Các chỉ tiêu đất giáo dục phải phù hợp theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2003 về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục đào tạo thành phố đến năm 2020.

- Về cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, cần nghiên cứu phù hợp với quy hoạch chung quận 8, nâng cao hiệu quả sử dụng đất (tăng hệ số sử dụng đất trong giới hạn cho phép).

- Về tổ chức không gian, hình thái nhà ở: khuyến khích xây dựng loại nhà ở chung cư cao tầng (hạn chế dạng nhà ở thấp tầng loại liên kế, biệt thự vườn...).

- Lưu ý việc bố trí các khu chức năng quy hoạch (khu chỉnh trang, khu xây dựng mới, khu công trình công cộng, cây xanh tập trung...) phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, hạn chế giải tỏa ảnh hưởng nhiều đến các khu dân cư ổn định...

- Về hành lang sông, rạch thực hiện đúng Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6, quận 8 được duyệt, giao Ủy ban nhân dân quận 8 triển khai thực hiện nghiên cứu lập Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 6, quận 8 và trình duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố giai đoạn 2009 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 102/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Quyết định số 79/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2773/TTr-SCT ngày 17 tháng 9 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố giai đoạn 2009 - 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung của Chương trình này xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc Công ty Điện lực thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

**Thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2009 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2009/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố giai đoạn 2009 - 2015 gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

I. Mục tiêu của Chương trình:

- Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy, tuyên truyền cộng đồng, khoa học công nghệ và các biện pháp quản lý bắt buộc nhằm thực hiện đồng bộ các hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố.

- Thông qua các hoạt động của Chương trình, đạt được mục tiêu về tổng mức tiết kiệm năng lượng cụ thể của Chương trình mục tiêu quốc gia góp phần giảm một phần mức đầu tư phát triển hệ thống cung ứng năng lượng, mang lại lợi ích về kinh tế - xã hội; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Phấn đấu tiết kiệm trên 3% tổng mức tiêu thụ năng lượng toàn thành phố trong giai đoạn 2009 - 2015 so với dự báo hiện nay về phát triển năng lượng và phát triển kinh tế - xã hội theo phương án phát triển bình thường, trên cơ sở các nội dung cụ thể sau:

a) Hình thành và đưa vào hoạt động có hiệu quả mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bao gồm hoạt động quản lý nhà nước, quản lý trong các doanh nghiệp, trong các tòa nhà và trong đời sống xã hội:

- Xây dựng mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để áp dụng vào thực tế cho 100% số lượng các doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng

điểm trong giai đoạn 2009 - 2015 và mở rộng áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Thực hiện việc quản lý bắt buộc theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam “Các công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” đối với 100% các tòa nhà xây dựng mới từ năm 2010.

b) Phổ biến rộng rãi các trang thiết bị có hiệu suất cao, thay thế dần các trang thiết bị có hiệu suất thấp, tiến tới loại bỏ các trang thiết bị có công nghệ lạc hậu; giảm cường độ năng lượng trong sản xuất; tiết kiệm năng lượng trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

c) Khai thác tối đa năng lực của phương tiện, thiết bị; giảm thiểu mức tiêu thụ nhiên liệu trong giao thông vận tải, triển khai thí điểm mô hình sử dụng nhiên liệu thay thế, hạn chế lượng phát thải của các phương tiện giao thông, bảo vệ môi trường.

II. Các đề án của Chương trình:

Nhóm nội dung 1: Tăng cường quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tổ chức hệ thống quản lý về tiết kiệm năng lượng gồm 01 đề án:

1. Đề án thứ nhất: Triển khai thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, trong quản lý các công trình xây dựng, trong sinh hoạt đời sống và đối với các trang thiết bị sử dụng năng lượng.

a) Nội dung:

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tổ chức, đào tạo cán bộ quản lý năng lượng cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng mô hình, hệ thống quản lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để triển khai và áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm, qua đó mở rộng áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Triển khai áp dụng Quy chuẩn xây dựng Việt Nam phù hợp về “Các công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”.

- Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực hoạt động cho các cán bộ, chuyên gia quản lý năng lượng.

- Xây dựng Trung tâm tư vấn thiết kế tiết kiệm năng lượng trực thuộc Sở Xây dựng hoặc Viện Nghiên cứu phát triển thành phố.

- Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho một số tổ chức dịch vụ năng lượng được chọn làm đầu mối thực hiện các hoạt động tư vấn, kiểm toán năng lượng, thực hiện chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng.

- Xây dựng một dự án thí điểm về công trình xanh hoặc một làng kiến trúc sinh thái (sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo) để làm mô hình trình diễn từ nguồn vốn ngân sách dành cho lĩnh vực khoa học - công nghệ hoặc các nguồn tài trợ trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn các giải pháp hợp lý trong quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc, kết cấu công trình đảm bảo tận dụng tối đa và khai thác triệt để điều kiện địa hình, khí hậu tự nhiên; sử dụng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất cách nhiệt, cách âm, chống cháy...

- Nhân rộng việc ứng dụng mô hình sử dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và năng lượng sạch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiêu thụ năng lượng trên địa bàn thành phố.

- Triển khai thực hiện quy chế khen thưởng các doanh nghiệp có thành tích đóng góp cho các hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các doanh nghiệp tổ chức quản lý hiệu quả việc sử dụng năng lượng; đồng thời xử phạt các doanh nghiệp không thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định hiện hành.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Công Thương chủ trì; Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, các Hiệp hội về khoa học kỹ thuật phối hợp thực hiện.

Nhóm nội dung 2: Tăng cường giáo dục, tuyên truyền phổ biến thông tin, vận động cộng đồng, nâng cao nhận thức, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường gồm 03 đề án:

2. Đề án thứ hai: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong doanh nghiệp và nhân dân.

a) Nội dung:

- Thông tin, tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Xây dựng các chương trình phát thanh và truyền hình về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phát định kỳ hàng tuần trên Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, hệ thống phát thanh các quận - huyện, phường - xã và Đài Truyền hình thành phố.

- Xây dựng các chuyên đề về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên các trang báo trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng, phát hành tài liệu hướng dẫn việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tổ chức treo pano, băng rôn và cờ phướn tại các tuyến đường, nơi tập trung đông người và các khu vực đông dân cư để tuyên truyền việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đến các nhà quản lý doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

- Xây dựng kỹ yếu giới thiệu các doanh nghiệp có mô hình, hệ thống quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Phát hành tờ gấp, tờ dán, quảng cáo, cuốn sách nhỏ về mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thành công tiêu biểu của địa phương, doanh nghiệp, công trình xây dựng...

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp thực hiện.

3. Đề án thứ ba: Đưa các nội dung về giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào hệ thống giáo dục.

a) Nội dung:

- Xây dựng nội dung, giáo trình, phương pháp giảng dạy lồng ghép các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các môn học chính thức hoặc các buổi học ngoại khóa, phù hợp với từng cấp học từ tiểu học đến phổ thông trung học.

- Xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình lồng ghép các kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các nhóm ngành nghề của các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì; Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện phối hợp thực hiện.

4. Đề án thứ tư: Triển khai thí điểm cuộc vận động xây dựng mô hình “Sử dụng tiết kiệm năng lượng trong mỗi hộ gia đình”.

a) Nội dung:

- Lựa chọn 06 điểm đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố; mỗi điểm chọn từ 10 đến 30 hộ dân cư tự nguyện tham gia đề án.

- Tập huấn cho cán bộ tham gia đề án ở địa phương được lựa chọn về các biện pháp tiết kiệm năng lượng, về cách thức thực hiện đề án.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng tại điểm lựa chọn và đề xuất biện pháp tiết kiệm, tổ chức triển khai đề án.

- Cung cấp thiết bị tiết kiệm năng lượng để thay thế thiết bị tiêu tốn nhiều năng lượng trong trường hợp cần thiết với giá hỗ trợ; sử dụng có hiệu quả các dạng năng lượng mới (khí sinh học, sinh khối, năng lượng mặt trời...); xây dựng thói quen sử dụng tiết kiệm năng lượng ở các hộ gia đình tham gia đề án.

- Tổng kết, đánh giá kết quả của đề án và đề xuất chương trình quảng bá, nhân rộng.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Công Thương chủ trì; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương được lựa chọn triển khai đề án, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Công ty Điện lực thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố phối hợp thực hiện.

Nhóm nội dung 3: Phát triển, phổ biến các trang thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, từng bước loại bỏ các trang thiết bị hiệu suất thấp gồm 02 đề án:

5. Đề án thứ năm: Phát triển các tiêu chuẩn và dán nhãn chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng cho một số sản phẩm sử dụng năng lượng được lựa chọn.

a) Nội dung:

- Khảo sát tình hình sử dụng năng lượng của các thiết bị có tiêu thụ năng lượng trong xã hội, xác định mức độ phổ biến và tỷ trọng tham gia trong cơ cấu tiêu dùng năng lượng của từng loại thiết bị; lập danh mục các thiết bị tiêu thụ nhiều năng lượng,

phân nhóm theo mức hiệu suất phù hợp với trình độ phát triển của xã hội theo từng thời kỳ.

- Xây dựng chương trình và mạng lưới thử nghiệm hiệu suất năng lượng, trang thông tin điện tử về hoạt động dán nhãn cho các sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Hiệp hội về khoa học kỹ thuật phối hợp thực hiện.

6. Đề án thứ sáu: Hỗ trợ kỹ thuật đối với các nhà sản xuất trong nước tuân thủ tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng.

a) Nội dung:

- Tổ chức các cuộc hội thảo, các diễn đàn đối thoại với các nhà sản xuất trong nước về các thiết bị tiết kiệm năng lượng; xác định yêu cầu cần thiết áp dụng vào thiết kế sản phẩm và công nghệ để sản xuất ra các sản phẩm có hiệu suất cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường, theo sát các thay đổi cập nhật quy định trong các tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng.

- Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao năng lực phân tích kinh tế dự án cho một số doanh nghiệp (doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ được lựa chọn), tính toán chi phí, lợi ích trong việc thiết kế phát triển sản phẩm mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác trong nước và nước ngoài, chi phí lắp đặt, cải tạo dây chuyền sản xuất và mục tiêu thời gian để thực hiện được các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng.

- Áp dụng các biện pháp khuyến khích liên kết giữa các doanh nghiệp; hỗ trợ, thúc đẩy các nhà sản xuất trong nước chuyển đổi công nghệ theo hướng nâng cao hiệu suất năng lượng.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch hành động, áp dụng sản xuất các sản phẩm sử dụng năng lượng đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Hiệp hội về khoa học kỹ thuật phối hợp thực hiện.

Nhóm nội dung 4: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp gồm 02 đề án:

7. Đề án thứ bảy: Xây dựng mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở các doanh nghiệp.

a) Nội dung:

- Tuyên truyền, thông tin các tài liệu về quản lý năng lượng đến các đối tượng sử dụng năng lượng; phổ biến kinh nghiệm từ các mô hình thành công ở trong và ngoài nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tổ chức các lớp tập huấn về quản lý năng lượng cho các cán bộ quản lý năng lượng tại địa phương, các doanh nghiệp...; hỗ trợ các xí nghiệp sản xuất công nghiệp hình thành hệ thống quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở doanh nghiệp.

- Xây dựng mô hình quản lý năng lượng mẫu cho một số doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc một số ngành công nghiệp lựa chọn.

- Khảo sát, đánh giá năng lực các tổ chức tư vấn về năng lượng; xây dựng, tăng cường năng lực và phát triển các hoạt động dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng, thực hiện chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Công Thương chủ trì; Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp phối hợp thực hiện.

8. Đề án thứ tám: Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thực hiện nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa dây chuyền công nghệ nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

a) Nội dung:

- Xây dựng cơ chế, kế hoạch, phương thức hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thực hiện việc nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa kỹ thuật - công nghệ sử dụng năng lượng.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện kiểm toán năng lượng, khảo sát, phát hiện các trường hợp có lợi thế về tiềm năng và có cơ hội thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa công nghệ sử dụng năng lượng.

- Xây dựng và thực hiện một số dự án kỹ thuật - công nghệ sử dụng nhiên liệu, nhiệt và điện cụ thể, thích hợp cho từng đối tượng thực tế, chú trọng việc trang bị dây chuyền công nghệ tận dụng nhiệt thừa từ khói thải các lò hơi công nghiệp, công nghệ đồng phát nhiệt và điện, tiết kiệm năng lượng trong sử dụng động cơ điện, điều hòa và thông gió, chế biến nông, thủy sản...

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; các Sở, ngành có liên quan và các Hiệp hội về khoa học kỹ thuật phối hợp thực hiện.

Nhóm nội dung 5: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà gồm 02 đề án:

9. Đề án thứ chín: Nâng cao năng lực và triển khai hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong thiết kế xây dựng và quản lý các tòa nhà.

a) Nội dung:

- Tổ chức các lớp tập huấn và phổ biến thông tin về Quy chuẩn xây dựng Việt Nam “Các công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”, nâng cao nhận thức của các đối tác tham gia trong hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố về tiết kiệm năng lượng trong xây dựng.

- Tổ chức tập huấn về các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng, bao gồm các nội dung liên quan đến công tác tư vấn, giám sát, thẩm định, cấp phép công trình cho cán bộ quản lý xây dựng các quận, huyện.

- In ấn và phổ biến các tờ rơi về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả làm tài liệu truyền thông, phổ biến đến các đơn vị và người lao động trong ngành xây dựng.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Xây dựng chủ trì; các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp thực hiện.

10. Đề án thứ mười: Xây dựng mô hình và đưa vào hoạt động có nề nếp công tác quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà.

a) Nội dung:

- Xây dựng 05 mô hình quản lý năng lượng mẫu và đưa vào hoạt động có nề nếp mô hình quản lý năng lượng cho 05 tòa nhà được lựa chọn.

- Tăng cường năng lực cho một số tổ chức dịch vụ năng lượng để thực hiện các hoạt động tư vấn, kiểm toán năng lượng, thực hiện chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực xây dựng.

- Cải tạo thí điểm một số công trình nhà cao tầng, hỗ trợ một số công trình xây mới áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng.

- Xây dựng và triển khai cuộc vận động thực hiện “Công trình xanh” tiết kiệm năng lượng tại các cơ quan và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức các cuộc thi mẫu thiết kế và ý tưởng xây dựng các mô hình tòa nhà tiết kiệm năng lượng, làng kiến trúc sinh thái. Lựa chọn thiết kế để áp dụng phù hợp và có biện pháp hỗ trợ để triển khai thực hiện thí điểm.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Xây dựng chủ trì; các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp thực hiện.

Nhóm nội dung 6: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải gồm 01 đề án:

11. Đề án thứ mười một: Khai thác tối ưu năng lực của phương tiện, thiết bị giao thông, giảm thiểu lượng nhiên liệu tiêu thụ, hạn chế lượng phát thải vào môi trường.

a) Nội dung:

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch tiết kiệm năng lượng cụ thể thông qua việc khai thác tối ưu mạng lưới đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không, đường biển; hợp lý hóa phương tiện giao thông vận tải; phát triển loại hình vận tải năng lực cao, vận chuyển khách, hàng hóa khối lượng lớn.

- Ứng dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các phương tiện giao thông vận tải thông qua công tác quản lý kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ mới; xây dựng và điều chỉnh hợp lý các định mức kinh tế kỹ thuật trong quá trình sản xuất, duy tu, bảo dưỡng các phương tiện giao thông.

- Thử nghiệm sử dụng nhiên liệu sinh học làm nhiên liệu thay thế cho một số phương tiện giao thông vận tải.

b) Cơ quan thực hiện:

Sở Giao thông vận tải chủ trì; các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp thực hiện.

III. Thời gian thực hiện:

Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố được thực hiện từ năm 2009 đến năm 2015, chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn I (2009 - 2012): giai đoạn triển khai tích cực toàn bộ nội dung của Chương trình.

- Giai đoạn II (2013 - 2015): giai đoạn triển khai theo chiều sâu và diện rộng các nội dung của Chương trình, trên cơ sở tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm kết quả đạt được từ giai đoạn I.

IV. Các giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố:

1. Giải pháp về tài chính:

a) Nguồn vốn từ ngân sách thành phố bố trí vốn theo dự toán hàng năm để: cấp cho việc xây dựng hoàn thiện thể chế quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tăng cường năng lực, điều tra, khảo sát, kiểm toán năng lượng, tổ chức thực hiện các đề án và hỗ trợ một phần lãi vay trong việc thực hiện các dự án theo phương thức cho vay ưu đãi, cơ chế giống như một dự án phát triển khoa học và công nghệ.

b) Nguồn vốn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

c) Nguồn vốn của doanh nghiệp tham gia đề án:

- Đầu tư cho các dự án về tiết kiệm năng lượng của doanh nghiệp được đề xuất trong quá trình tham gia các đề án của Chương trình.

- Trả vốn vay để thực hiện các đề án trong danh mục của Chương trình.

- Đóng góp một phần trong việc tổ chức thực hiện các đề án của Chương trình tại doanh nghiệp.

2. Giải pháp về đầu tư khoa học công nghệ và đào tạo:

- Thực hiện việc đầu tư có chọn lọc trong việc tăng cường năng lực (cơ sở vật chất và nhân lực) cho các tổ chức tư vấn thiết kế, thử nghiệm, kiểm toán năng lượng, chuyển giao công nghệ về tiết kiệm năng lượng...

- Đầu tư cho việc đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, đặc biệt cho các địa phương và doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Đầu tư cho công tác truyền thông, thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về tiết kiệm năng lượng.

- Đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng các loại sản phẩm mới, vật liệu mới; các dự án thí điểm, mô hình thí điểm để thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng

tiết kiệm và hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường, cách nhiệt, chống cháy...

- Ban Chỉ đạo Chương trình hợp tác với các Bộ, đề nghị đưa một số đề tài về phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới tiết kiệm năng lượng, xây dựng chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của các Bộ.

3. Giải pháp về hợp tác quốc tế:

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các tổ chức tư vấn, thông qua các hình thức đầu tư trực tiếp, hội thảo khoa học, gửi cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài, gửi đoàn khảo sát đi nước ngoài, tư vấn xây dựng các phòng thử nghiệm hợp chuẩn.

- Hợp tác xây dựng chính sách, thể chế, tiêu chuẩn liên quan đến lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Phối hợp với mạng lưới thử nghiệm của khu vực ASEAN và quốc tế để thử nghiệm các sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

- Phối hợp mạng lưới hợp tác năng lượng ASEAN trong việc xét trao giải thưởng ASEAN cho các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, làng sinh thái.

- Xây dựng danh mục và nội dung đề xuất các dự án ODA, các dự án hợp tác quốc tế về lĩnh vực sử dụng năng lượng và tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu trao đổi, chuyển giao công nghệ, phổ biến ứng dụng các sản phẩm mới sử dụng năng lượng và tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả.

V. Tổ chức thực hiện Chương trình:

1. Ban Chỉ đạo Chương trình:

a) Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố do Giám đốc Sở Công Thương làm Trưởng Ban Chỉ đạo; đại diện các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam là thành viên Ban Chỉ đạo.

b) Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình đặt tại Sở Công Thương.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan dự thảo quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, trong đó có quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo trình Ủy ban nhân dân thành phố trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Chương trình.

2. Phân công trách nhiệm:

a) Sở Công Thương: là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các tổ chức có liên quan thực hiện Chương trình mục tiêu; điều phối toàn bộ hoạt động của Chương trình và thực hiện các đề án được phân công.

b) Các Sở, ngành, tổ chức đoàn thể tham gia Chương trình xây dựng đề cương triển khai từng đề án cụ thể trình Ban Chỉ đạo Chương trình thông qua, tổng hợp đưa vào kế hoạch thực hiện hàng năm.

c) Sở Tài chính:

- Trình Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí nguồn tài chính cho các nội dung của Chương trình, đưa vào kế hoạch vốn hàng năm của thành phố.

- Theo dõi, hướng dẫn kiểm tra các đơn vị quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố phục vụ cho các đề án thuộc Chương trình.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Cân đối ngân sách, đưa vào kế hoạch thực hiện hàng năm, đảm bảo các nguồn lực cần thiết cho hoạt động của Chương trình.

- Kêu gọi nguồn đầu tư tài trợ từ các dự án quốc tế về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

e) Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Xây dựng chính sách quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương.

- Phối hợp triển khai thực hiện các đề án thuộc Chương trình tại địa phương.

3. Điều hành, giám sát, đánh giá:

a) Ban Chỉ đạo Chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố có trách nhiệm điều phối, kiểm tra mọi hoạt động của Chương trình để đạt được mục tiêu của từng đề án và chịu trách nhiệm chung về các kết quả thực hiện.

b) Các cơ quan chủ trì từng đề án có trách nhiệm điều phối, kiểm tra hoạt động của đề án và chịu trách nhiệm về các kết quả của đề án được phân công chủ trì./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ văn bản số 2453/UBND-ĐTMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân công tổ chức thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 quy định về quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 66/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện:

1. Triển khai công tác quản lý và sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí, phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa và tổ chức việc đậu xe dưới lòng đường theo danh mục đã được thông qua.

2. Báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh, các kiến nghị liên quan đến việc tổ chức thực hiện nêu trên về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chấp hành các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải về công tác quản lý, nâng cấp, chỉnh trang vỉa hè để điều chỉnh, thực hiện cho phù hợp và không ảnh hưởng trật tự, an toàn giao thông.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2009 và có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TUQ. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN**

Trần Quang Phụng

Phụ lục 1: Danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè làm bãi giữ xe công cộng có thu phí
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vỉa hè (m)	Ghi chú
	QUẬN 1				
1	Bùi Thị Xuân	Cách Mạng Tháng 8	Tôn Thất Tùng	6	
2	Calmette	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	4,9	
3	Cao Bá Quát	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	5,7	
4	Chu Mạnh Trinh	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du	5,6 - 7	
5	Cô Bắc	Nguyễn Thái Học	Đề Thám	5,3	
6	Cống Quỳnh	Bùi Thị Xuân	Bùi Viện	3,9 - 6	
7	Công xã Paris	Nguyễn Du	Lê Duẩn	14,5	
8	Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Đình Chiểu	Điện Biên Phủ	5,8	
9	Đông Du	Hai Bà Trưng	Đồng Khởi	4	
10	Hàm Nghi	Công trường Quách Thị Trang	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	5,7	
11	Hải Triều	Nguyễn Huệ	Hàm Nghi	5,7	
12	Hồ Huân Nghiệp	Công trường Mê Linh	Đồng Khởi	5,5	
13	Hồ Tùng Mậu	Bến Chương Dương	Tôn Thất Thiệp	3,9 - 6,5	
14	Hoàng Sa	Cầu Bông	Cầu Trần Khánh Dư	2,8 - 3,5	
15	Huyền Trân Công Chúa	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Du	6,5	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
16	Huỳnh Thúc Kháng	Lê Lợi	Pasteur	6,2 - 6,4	
17	Lê Anh Xuân	Lê Thánh Tôn	Lý Tự Trọng	5	
18	Lê Thị Hồng Gấm	Phó Đức Chính	Calmette	5	
19	Lê Văn Hưu	Lê Duẩn	Nguyễn Du	4 - 6	
20	Mạc Đĩnh Chi	Điện Biên Phủ	Trần Cao Vân	5,9 - 6,1	
21	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng	Đông Khởi	4	
22	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Lê Lợi	Hàm Nghi	6	
22	Ngô Đức Kế	Công trường Mê Linh	Nguyễn Huệ	4	
24	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Hữu Cảnh	Lê Duẩn	6,2	
25	Nguyễn Cư Trinh	Trần Hưng Đạo	Cống Quỳnh	6	
26	Nguyễn Công Trứ	Hồ Tùng Mậu	Yersin	3,5 - 6	
27	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng	Pasteur	5,4 - 6	
28	Nguyễn Hữu Cầu	Hai Bà Trưng	Thạch Thị Thanh	8	
29	Nguyễn Huy Tự	Nguyễn Văn Giai	Đình Tiên Hoàng	6	
30	Nguyễn Khắc Nhu	Trần Hưng Đạo	Cô Giang	4,7 - 5,9	
31	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Bình Khiêm	Hai Bà Trưng	5,8 - 6	
32	Nguyễn Siêu	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	5,9	
33	Nguyễn Thái Bình	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phó Đức Chính	4,8 - 5	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vía hè (m)	Ghi chú
34	Nguyễn Thái Học	Trần Hưng Đạo	Phạm Ngũ Lão	10	
35	Nguyễn Thị Minh Khai	Cổng Quỳnh	Lương Hữu Khánh	6	
		Trương Định	Huyền Trân Công Chúa	6	
36	Nguyễn Trãi	Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Văn Cừ	4,7 - 5,4	
37	Nguyễn Trung Ngạn	Tôn Đức Thắng	Chu Mạnh Trinh	4,8	
38	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Du	Lê Lợi	5,5 - 6	
39	Nguyễn Văn Bình	Công xã Paris	Hai Bà Trưng	5,8	
40	Nguyễn Văn Chiêm	Hai Bà Trưng	Phạm Ngọc Thạch	4 - 6,1	
41	Nguyễn Văn Thủ	Mạc Đĩnh Chi	Phùng Khắc Khoan	6	
42	Nguyễn Văn Tráng	Nguyễn Trãi	Lê Lai	3,7	
43	Pasteur	Tôn Thất Thiệp	Lê Lợi	6	
44	Phạm Ngũ Lão	Trần Hưng Đạo	Cổng Quỳnh	4,6 - 6	
45	Phan Bội Châu	Lê Thánh Tôn	Lê Lợi	7,7	
46	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tôn	Lê Lai	7,2	
47	Phan Văn Đạt	Công trường Mê Linh	Mạc Thị Bưởi	5,2	
48	Phan Văn Trường	Nguyễn Thái Học	Yersin	4 - 4,6	
49	Phó Đức Chính	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Công Trứ	5	
50	Sương Nguyệt Ánh	Cách Mạng Tháng 8	Tôn Thất Tùng	5,8	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
51	Thái Văn Lung	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Siêu	3,5	
52	Thi Sách	Lê Thánh Tôn	Công trường Mê Linh	5,6 - 6	
53	Thủ Khoa Huân	Nguyễn Du	Lý Tự Trọng	5,5	
54	Tôn Thất Đạm	Huỳnh Thúc Kháng	Tôn Thất Thiệp	5,5	
55	Tôn Thất Thiệp	Nguyễn Huệ	Hồ Tùng Mậu	5,7	
56	Tôn Thất Tùng	Lê Lai	Bùi Thị Xuân	7	
57	Trần Cao Vân	Mạc Đĩnh Chi	Hai Bà Trưng	5,7	
58	Trần Khánh Dư	Nguyễn Văn Nguyễn	Trần Nhật Duật	2,5	
59	Trần Đình Xu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Cư Trinh	6,1	
60	Trần Quang Khải	Đình Tiên Hoàng	Trần Khắc Chân	5,6	
61	Trịnh Văn Cấn	Yersin	Nguyễn Thái Học	4,5	
62	Trương Định	Lê Thánh Tôn	Lý Tự Trọng	5	
63	Yersin	Phan Văn Trường	Trịnh Văn Cấn	4	
	QUẬN 3				
1	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Thị Diệu	5,5	
		Kỳ Đồng	Lý Chính Thắng	6	
2	Cách Mạng Tháng 8	Điện Biên Phủ	Nguyễn Đình Chiểu	12,3	
		Tú Xương	Công trường Dân Chủ	11,1	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vía hè (m)	Ghi chú
3	Huỳnh Tịnh Của	Trần Quốc Toàn	Nguyễn Văn Mai	6	
4	Hoàng Sa	Cầu Công Lý	Cầu Kiệu	9	
5	Lê Quý Đôn	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Văn Tần	6	
		Tú Xương	Võ Thị Sáu	6,2	
6	Nguyễn Thượng Hiền	Công trường Dân Chủ	Điện Biên Phủ	6,8	
7	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Thượng Hiền	Cao Thắng	12,3	
8	Nguyễn Thị Minh Khai	Cao Thắng	Cách Mạng Tháng 8	6	
		Cách Mạng Tháng 8	Bà Huyện Thanh Quan	6	
9	Tú Xương	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Thông	6,8	
		Nguyễn Thông	Cách Mạng Tháng 8	6	
10	Võ Văn Tần	Công trường Quốc tế	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6 - 7	
	QUẬN 4				
1	Lê Thạch	Lê Văn Linh	Đình Lễ	3,5 - 6	
2	Lê Văn Linh	Lê Quốc Hưng	Lê Thạch	3,5 - 9	
3	Đình Lễ	Lê Thạch	Lê Quốc Hưng	4	
	QUẬN 5				
1	An Bình	Hàm Tử	Trần Hưng Đạo	3 - 4	
2	An Dương Vương	Nguyễn Văn Cừ	Phước Hưng	4 - 10	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
3	Bà Triệu	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	3,5 - 5	
4	Bãi Sậy	Kim Biên	Ngô Nhân Tịnh	5 - 6	
5	Bạch Vân	Nhiều Tâm	An Bình	3,8 - 6	
6	Bùi Hữu Nghĩa	Bạch Vân	Nguyễn Trãi	3 - 6	
7	Châu Văn Liêm	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	3	
8	Chiêu Anh Các	Nhiều Tâm	Bùi Hữu Nghĩa	3,4 - 6	
9	Đặng Thái Thân	Mạc Thiên Tích	Hồng Bàng	3,4 - 4	
10	Hà Tôn Quyền	Tân Thành	Nguyễn Chí Thanh	3,4	
11	Hải Thượng Lãn Ông	Hàm Tử	Ngô Nhân Tịnh	3,8 - 5	
12	Hồng Bàng	Ngô Quyền	Nguyễn Thị Nhỏ	3,3 - 9,5	
13	Hùng Vương	Nguyễn Văn Cừ	Ngô Quyền	3 - 10,6	
14	Huỳnh Mẫn Đạt	Trần Hưng Đạo	Trần Phú	3 - 5,2	
15	Lê Hồng Phong	Phan Văn Trị	Hùng Vương	5 - 10	
16	Lý Thường Kiệt	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3,2 - 10	
17	Mạc Thiên Tích	Phước Hưng	Ngô Quyền	3,2 - 10	
18	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tri Phương	Ngô Quyền	3,7 - 8,5	
19	Ngô Quyền	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3 - 4,4	
20	Nghĩa Thục	Nhiều Tâm	Trần Tuấn Khải	4	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vía hè (m)	Ghi chú
21	Nguyễn Ân	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	5,6 - 6,5	
22	Nguyễn Biểu	Cao Đạt	Trần Hưng Đạo	3,9 - 5	
23	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Thị Nhỏ	3,8 - 6,2	
24	Nguyễn Duy Dương	Trần Phú	Nguyễn Chí Thanh	5,4 - 5,7	
25	Nguyễn Kim	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	3 - 10	
26	Nguyễn Trãi	Nguyễn Văn Cừ	Triệu Quang Phục	3,8 - 5,3	
27	Nguyễn Tri Phương	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Chí Thanh	3,6 - 9	
28	Nguyễn Văn Dừng	Hàm Tử	Trần Hưng Đạo	4	
29	Nguyễn Văn Cừ	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Minh Khai	3 - 5	
30	Nhiêu Tâm	Bạch Vân	Trần Hưng Đạo	3,6 - 6	
31	Phạm Hữu Chí	Nguyễn Kim	Lý Thường Kiệt	5	
		Lương Nhữ Học	Đỗ Ngọc Thạnh	3,5 - 4,1	
32	Sư Vạn Hạnh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	4 - 4,8	
33	Tân Hưng	Thuận Kiều	Nguyễn Thị Nhỏ	3 - 7	
34	Tân Thành	Phó Cơ Điều	Đỗ Ngọc Thạnh	4 - 5, 5	
35	Tản Đà	Hàm Tử	Hồng Bàng	4,5 - 7,1	
36	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	7 - 8	
37	Thuận Kiều	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	4,6 - 5	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
38	Trang Tử	Đỗ Ngọc Thạnh	Dương Tử Giang	11	
39	Trần Bình Trọng	Hàm Tử	An Dương Vương	4 - 5	
40	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tri Phương	3,8 - 7,2	
41	Trần Nhân Tôn	Trần Phú	Hùng Vương	3 - 7	
42	Trần Phú	Trần Bình Trọng	Nguyễn Văn Cừ	3 - 10	
		Sư Vạn Hạnh	Trần Hưng Đạo	3 - 8	
43	Trần Tuấn Khải	Nghĩa Thục	Trần Hưng Đạo	5	
44	Trần Xuân Hòa	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	4,5	
45	Vạn Tượng	Vũ Chí Hiếu	Hải Thượng Lãn Ông	4	
QUẬN 6					
1	Phạm Văn Chí	Bình Tiên	Bà Lài	4	
2	Hồng Bàng	Phạm Tuân	Minh Phụng	5,5	
3	Minh Phụng	Hậu Giang	Lê Quang Sung	4,8 - 7,5	
QUẬN 10					
1	Hùng Vương	Lý Thái Tổ	Trần Bình Trọng	3 - 5	
2	Lê Hồng Phong	Ngô Gia Tự	Vĩnh Viễn	3 - 5	
3	Lý Thái Tổ	Hùng Vương	Nguyễn Tri Phương	3 - 5	
4	Bà Hạt	Ngô Quyền	Nguyễn Lâm	3	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
5	Đào Duy Từ	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Tiểu La	3	
6	Hung Long	Nguyễn Chí Thanh	Đào Duy Từ	3	
7	Nguyễn Lâm	3 Tháng 2	Bà Hạt	3	
8	Ngô Quyền	Nguyễn Chí Thanh	Hòa Hảo	3 - 5	
9	Nguyễn Kim	Vĩnh Viễn	Đào Duy Từ	3	
10	Tân Phước	Lý Thường Kiệt	Ngô Quyền	3 - 11	
11	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Chí Thanh	Hòa Hảo	6 - 8	
12	Trần Thiện Chánh	3 Tháng 2	Trường Vạn Hạnh	3	
13	Sư Vạn Hạnh	Lý Thái Tổ	3 Tháng 2	3	
14	Cao Thắng	3 Tháng 2	Hoàng Dư Khương	3	
15	Bắc Hải	Đồng Nai	Lý Thường Kiệt	6	
16	Tô Hiến Thành	Cách Mạng Tháng 8	Hồ Bá Kiện		
		Thành Thái	Lý Thường Kiệt	3	
17	Thành Thái	Tô Hiến Thành	Bắc Hải	3 - 4	
18	Cách Mạng Tháng 8	Bắc Hải	3 Tháng 2	3 - 6	
19	Đồng Nai	Tam Đảo	Tô Hiến Thành	3	
20	Nguyễn Giản Thanh	Trường Sơn	Bắc Hải	6 - 8	
21	Châu Thới	Bắc Hải	Hương Giang	3	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
	QUẬN 11				
1	Lữ Gia	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Nhỏ	4,5	
2	Lý Thường Kiệt	3 Tháng 2	Lữ Gia	4,5	
3	Trần Quý	Phó Cơ Điều	Đỗ Ngọc Thạnh	14	Bên cạnh chợ Phó Cơ Điều
4	Vĩnh Viễn	Lý Thường Kiệt	Lê Đại Hành	6	
	QUẬN 12				
1	Nguyễn Ảnh Thủ	Ngã tư Trung Chánh	Tô Ký	4	
2	Tỉnh lộ 15	Cầu Chợ Cầu	Cầu vượt Quang Trung	8	
3	Trường Chinh	An Sương	Cầu Tham Lương	6	
4	Lê Văn Khương	Quốc lộ 1 A	Cầu Dừa	4	
5	Hà Huy Giáp	Cầu An Lộc	Cầu vượt Ngã tư Ga	4	
	QUẬN THỦ ĐỨC				
1	Kha Vạn Cân	Tô Ngọc Vân	Đường số 1	3 - 4	
	HUYỆN BÌNH CHÁNH				
1	Trần Đại Nghĩa	Quốc lộ 1A	Nguyễn Cửu Phú	4	
	HUYỆN HÓC MÔN				
1	Nguyễn Ảnh Thủ	Tô Ký	Phan Văn Hớn	4,75	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
2	Bà Triệu	Cầu Dừa	Ngã Ba Đồn	3	
3	Lê Văn Khương	Quang Trung	Quốc lộ 22	4	
	HUYỆN CẦN GIỜ				
1	Rừng Sác	Bến phà Bình Khánh	Hà Quang Vóc	3,7 - 5,8	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**Phụ lục 2: Danh mục các tuyến đường cho phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè
phục vụ kinh doanh dịch vụ, buôn bán hàng hóa**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vỉa hè (m)	Ghi chú
	QUẬN 2				
1	Trần Nãi	Xa lộ Hà Nội	Lương Định Của	3 - 4,5	
2	Đường số 22	Lê Văn Thịnh	Nguyễn Thị Định	2,5 - 3	
	QUẬN 4				
1	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Thần Hiến	Khánh Hội	2,4 - 4,5	Phạm vi từ nhà số 94 đến UBND phường 4
2	Lê Văn Linh	Nguyễn Tất Thành	Lê Quốc Hưng	3,5 - 9	
3	Lê Quốc Hưng	Lê Văn Linh	Hoàng Diệu	3,1 - 7	
	QUẬN 5				
1	Nguyễn Thời Trung	Hàm Tử	Trần Hưng Đạo		Chợ Nguyễn Thời Trung
2	Phạm Đôn	Tân Hàng	Hải Thượng Lãn Ông		Phố ăn Phạm Đôn
3	Hải Thượng Lãn Ông	Trần Hòa	Châu Văn Liêm		Phố thuốc Đông y
4	Phù Đổng Thiên Vương	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi		Chợ Xã Tây
5	Tân Thành	Đỗ Ngọc Thạnh	Tạ Uyên		Chợ Tân Thành
6	Phạm Hữu Chí	Phó Cơ Điều	Tạ Uyên		Chợ Tân Thành
7	Đỗ Ngọc Thạnh	Tân Thành	Tân Hưng		Chợ Tân Thành

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vỉa hè (m)	Ghi chú
8	Dương Tử Giang	Tân Thành	Tân Hưng		Chợ Tân Thành
9	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh		Chợ Tân Thành
10	Phùng Hưng	Hồng Bàng	Nguyễn Trãi		Chợ Phùng Hưng
11	Lão Tử	Châu Văn Liêm	Phùng Hưng		Chợ Phùng Hưng
12	Hà Tôn Quyền	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh		Chợ Hà Tôn Quyền
13	Tân Thành	Tạ Uyên	Hà Tôn Quyền		Chợ Hà Tôn Quyền
14	Phạm Hữu Chí	Tạ Uyên	Hà Tôn Quyền		Chợ Hà Tôn Quyền
	QUẬN 6				
1	Nguyễn Hữu Thận	Tháp Mười	Lê Quang Sung	8,5 - 9	Đề hàng hóa
2	Hậu Giang	Phạm Đình Hồ	Minh Phụng	9	Đề hàng hóa (từ 18 giờ đến 24 giờ)
		Minh Phụng	Nguyễn Văn Lương	3 - 6	Đề hàng hóa
3	Trần Bình	Tháp Mười	Phan Văn Khỏe	4,6	Đề hàng hóa
4	Lê Tấn Kế	Tháp Mười	Phan Văn Khỏe	4,6	Đề hàng hóa
5	Minh Phụng	Hậu Giang	Hồng Bàng	4,8 - 7,5	
	QUẬN 7				
1	Huỳnh Tấn Phát	Trần Xuân Soạn	Phạm Hữu Lâu	3	
2	Nguyễn Thị Thập	Huỳnh Tấn Phát	Lê Văn Lương	3	
3	Lê Văn Lương	Trần Xuân Soạn	Nguyễn Văn Linh	3	

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
4	Trần Xuân Soạn	Cầu Rạch Ông	Ngã ba Tân Quy	3	
	QUẬN 8				
1	Lê Quang Kim	Ba Đình	Nguyễn Duy	2 - 4,5	
2	Lương Văn Can	Bình Đông	Lưu Hữu Phước	2 - 3	
3	Nguyễn Nhược Thị	Bình Đông	Lưu Hữu Phước	2,5 - 4	
4	Hồ Biểu Chánh	Đào Cam Mộc	Chánh Hưng	2 - 3,5	
5	Huỳnh Thị Phụng	Phạm Thế Hiển	Rạch Du	2 - 5	
6	Hoàng Minh Đạo	Phạm Thế Hiển	Bùi Minh Trực	2,5 - 3,3	
7	Ngô Sỹ Liên	Bình Đông	Hoài Thanh	2,5 - 9	
8	Đào Cam Mộc	Chánh Hưng	Đường số 29	2,8 - 6,6	
9	Đặng Chất	Âu Dương Lân	Nguyễn Thị Tần	2 - 4	
10	Nguyễn Thị Tần	Dạ Nam	Tạ Quang Bửu	2 - 4	
11	Phạm Thế Hiển	Cầu Rạch Ông	Ba Tơ	2 - 7	
12	Âu Dương Lân	Phạm Thế Hiển	Dương Bá Trạc	3,5 - 4,5	
13	Nguyễn Ché Nghĩa	Bình Đông	Nguyễn Duy	2,3 - 3,8	
14	Nguyễn Văn Của	Bình Đông	Tuy Lý Vương	3,5 - 6,8	
15	Đình Hòa	Bình Đông	Tùng Thiện Vương	2,7 - 3,2	
16	Vĩnh Nam	Bình Đông	Tùng Thiện Vương	3 - 4,2	

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
17	Tuy Lý Vương	Bùi Huy Bích	Tùng Thiện Vương	2,5 - 5,5	
18	Nguyễn Quyền	Bình Đông	Tùng Thiện Vương	3,2 - 4,3	
19	Bùi Minh Trực	Bông Sao	Quốc lộ 50	2,3 - 9	
20	Tùng Thiện Vương	Bình Đông	Tuy Lý Vương	2,5 - 2,5	
21	Vạn Kiếp	Cầu Chà Và	Tùng Thiện Vương	4 - 7,5	
22	Dạ Nam	Phạm Thế Hiển	Phạm Thế Hiển	3,6 - 6,6	
23	Đường số 8	Phạm Hùng	Đường số 31	3 - 4	
24	Đường số 23	Phạm Thế Hiển	Đường số 16	3	
	QUẬN 10				
1	Trần Nhân Tôn	Vĩnh Viễn	Hòa Hảo	6	
2	Lê Hồng Phong	Vĩnh Viễn	Hùng Vương	5,8	
3	Vĩnh Viễn	Lê Hồng Phong	Trần Nhân Tôn	5,7	
4	Nguyễn Tri Phương	3 Tháng 2	Nguyễn Chú Thanh	6 - 8	
5	Thành Thái	Tô Hiến Thành	Bắc Hải	6 - 8	
6	Bắc Hải	Thành Thái	Lý Thường Kiệt	6 - 8	
7	Tô Hiến Thành	Thành Thái	Lý Thường Kiệt	6 - 8	
8	Lý Thường Kiệt	3 Tháng 2	Bắc Hải	6 - 8	
9	Ngô Gia Tự	Lý Thái Tổ	Nguyễn Tri Phương	6 - 8	
10	Lý Thái Tổ	Ngô Gia Tự	Sư Vạn Hạnh	4 - 6	

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
	QUẬN 11				
1	Minh Phụng	3 Tháng 2	Hàn Hải Nguyên	5 - 7	Bán hoa kiểng Tết
2	Lò Siêu	3 Tháng 2	Lãnh Binh Thăng	3 - 5	Bán hoa kiểng Tết
3	Lãnh Binh Thăng	Lò Siêu	Đội Cung	4 - 6	Bán hoa kiểng Tết
4	Dương Đình Nghệ	Lãnh Binh Thăng	Đường số 6	3	Bán hoa kiểng Tết
5	Đường số 5 Cư xá Bình Thới	Lãnh Binh Thăng	Đường số 8	3	Bán hoa kiểng Tết
	QUẬN TÂN PHÚ				
1	Gò Dầu	Tân Sơn Nhì	Bình Long	3,5	
2	Trương Vĩnh Ký	Lũy Bán Bích	Tân Sơn Nhì	3,5	
3	Độc Lập	Lũy Bán Bích	Nguyễn Ngọc Nhựt	3,5	
4	Thống Nhất	Lũy Bán Bích	Cuối đường	3,5	
5	Phan Đình Phùng	Thống Nhất	Vườn Lài	3 - 3,5	
6	Đường số 1	Phan Đình Phùng	Nguyễn Văn Tố	3 - 4	Phường Tân Thành
7	Tân Hương	Độc Lập	Bình long	3,5	
8	Nguyễn Sơn	Thoại Ngọc Hầu	Bình Long	5	
9	Hòa Bình	Lũy Bán Bích	Bình Long	3,5	
10	Tô Hiệu	Nguyễn Lý	Hòa Bình	4 - 7	

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
11	Thạch Lam	Lũy Bán Bích	Lê Khôi	3,5	
12	Lê Trọng Tấn	Tân Kỳ Tân Quý	Tây Thạnh	3,5	
	QUẬN BÌNH THẠNH				
1	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Điện Biên Phủ	Nguyễn Cửu Vân	5 - 6	
	QUẬN GÒ VẤP				
1	Nguyễn Oanh	Ngã 6 Gò Vấp	Phan Văn Trị	6,3 - 7,6	
2	Nguyễn Thái Sơn	Nguyễn Văn Nghi	Phan Văn Trị	4,5 - 5	
3	Nguyễn Văn Lượng	Thống Nhất	Nguyễn Oanh	4 - 5	
	QUẬN BÌNH TÂN				
1	Kinh Dương Vương	Cầu An Lạc	An Dương Vương	7	
2	Tên Lửa	Đường số 29	Đỗ Năng Tế	8	
3	Vành Đai Trong	Đỗ Năng Tế	Đường số 29	8	
4	Đường số 1	An Dương Vương	Tên Lửa	5	Phường Bình Trị Đông B, An Lạc A
5	Đường số 7	Quốc lộ 1A	An Dương Vương	3 - 8	Phường Bình Trị Đông B, An Lạc A
6	Đường số 19	Đường số 6	Tên Lửa	5	Phường Bình Trị Đông B, An Lạc A
7	Đường số 40	Tỉnh lộ 10	Đường số 7	5	Phường Tân Tạo
8	Đường số 40A	Đường số 7	Đường số 49	5	Phường Tân Tạo

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
	QUẬN THỦ ĐỨC				
1	Tỉnh lộ 43	Lê Thị Hoa	Ranh Bình Dương	3 - 4	
2	Bình Chiểu	Tỉnh lộ 43	Trường tiểu học Bình Chiểu	3 - 4	
3	Tô Ngọc Vân	Quốc lộ 1A	Nguyễn Văn Lịc	3 - 4	
4	Kha Vạn Cân	Quốc lộ 1A	Võ Văn Ngân	3 - 4	
5	Linh Trung	Kha Vạn Cân	Xa lộ Hà Nội	3 - 4	
6	Hoàng Diệu 2	Kha Vạn Cân	Lê Văn Chí	3 - 4	
7	Võ Văn Ngân	Kha Vạn Cân	Dân Chủ	3 - 4	
8	Linh Đông	Lý Tế Xuyên	Đường số 26	3 - 4	
9	Tam Hà	Tô Ngọc Vân	Đường số 5	3 - 4	
10	Lê Văn Ninh	Tô Ngọc Vân	Dương Văn Cam	3 - 4	
	HUYỆN BÌNH CHÁNH				
1	Trần Đại Nghĩa	Quốc lộ 1A	Nguyễn Cửu Phú	4	
	HUYỆN HÓC MÔN				
1	Nguyễn Ảnh Thủ	Tô Ký	Phan Văn Hớn	4,75	
2	Bà Triệu	Cầu Dừa	Ngã Ba Đồn	3	
3	Lê Văn Khương	Quang Trung	Quốc lộ 22	4	

STT	Tên đường, khu vực	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng vĩa hè (m)	Ghi chú
	HUYỆN CẦN GIỜ				
1	Đào Cử	Duyên Hải	Lê Hùng Yên	4	
2	Duyên Hải	Rừng Sác	Nguyễn Phan Vinh	4	
3	Lê Thương	Duyên Hải	Đặng Văn Kiều	4	
4	Đặng Văn Kiều	Duyên Hải	Bến đò cơ khí	4	
5	Lê Trọng Mân	Đào Cử	Cầu Cảng	4	
6	Tắc Xuất	Duyên Hải	Sông Dinh Bà	4	
7	Rừng Sác	Phà Bình Khánh	Hà Quang Vóc	3,7 - 5,8	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 3: Danh mục tuyến đường cho phép đậu xe dưới lòng đường có thu phí

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5010/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
	QUẬN 1				
1	Cao Bá Quát	Thái Văn Lung	Hai Bà Trưng	8	Đậu xe bên phải
2	Công xã Paris	Lê Duẩn	Nguyễn Du	16,3	
3	Đông Du	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	12	Đậu xe bên phải
4	Lê Lợi	Công trường Quách Thị Trang	Nguyễn Huệ	36	
5	Nguyễn Huệ	Lê Lợi	Tôn Đức Thắng	36	
6	Lê Lai	Nguyễn Thị Nghĩa	Công trường Quách Thị Trang	11	Đậu xe 1 bên (Khoảng lùi đối diện khách sạn New World)
7	Lý Tự Trọng	Hai Bà Trưng	Thái Văn Lung	8	Đậu xe bên phải
8	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	12	Đậu xe bên phải
9	Ngô Đức Kế	Công trường Mê Linh	Hồ Tùng Mậu	12	Đậu xe 1 bên
10	Nguyễn Văn Cừ	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	19,5	Đậu xe bên phải
11	Nguyễn Trung Trực	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Du	8	Đậu xe 1 bên
12	Hàm Nghi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tôn Đức Thắng	39	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
13	Trương Định	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du	9,1	Đậu xe bên phải (Góc trái Trương Định - Nguyễn Du)
14	Phạm Ngũ Lão	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Nghĩa	10	Đậu xe 1 bên
15	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tôn	Lê Lai	19	Đậu xe bên phải
16	Phan Bội Châu	Lê Lợi	Lê Thánh Tôn	19	Đậu xe bên phải
17	Trần Cao Vân	Mạc Đĩnh Chi	Phùng Khắc Khoan	8	
18	Thủ Khoa Huân	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Du	12	Đậu xe 1 bên
19	Hàn Thuyên	Công Xã Paris	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
20	Hồ Huân Nghiệp	Công trường Mê Linh	Mạc Thị Bưởi	7	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ và theo giờ
21	Alexandre De Rhodes	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phạm Ngọc Thạch	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
22	Bùi Thị Xuân	Cách Mạng Tháng 8	Lê Thị Riêng	10	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ, theo giờ
23	Chu Mạnh Trinh	Nguyễn Du	Lê Thánh Tôn	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
24	Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Võ Thị Sáu	13	Đậu xe khu vực trước công viên Lê Văn Tám
25	Nguyễn Siêu	Hai Bà Trưng	Thái Văn Lung	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
26	Nguyễn Du	Huyền Trân Công Chúa	Trương Định	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
27	Nguyễn Trung Ngạn	Tôn Đức Thắng	Chu Mạnh Trinh	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
28	Nguyễn Văn Chiêm	Hai Bà Trưng	Phạm Ngọc Thạch	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
29	Nguyễn Văn Thủ	Mạc Đĩnh Chi	Hai Bà Trưng	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
30	Sương Nguyệt Ánh	Cách Mạng Tháng 8	Bùi Thị Xuân	8	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ, theo giờ
31	Nguyễn Văn Bình	Công xã Paris	Hai Bà Trưng	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
32	Nguyễn Cư Trinh	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Trãi	18	Đậu xe theo giờ
	QUẬN 2				
1	Nguyễn Văn Hưởng	Thảo Điền	Nguyễn Cừ	12	Đậu xe 1 bên
	QUẬN 3				
1	Bà Huyện Thanh Quan	Kỳ Đồng	Rạch Bùng Binh	12	Đậu xe bên phải
2	Lê Quý Đôn	Lý Chính Thắng	Tú Xương	8	Đậu xe 1 bên, theo giờ
3	Trương Định	Lý Chính Thắng	Hoàng Sa	12	Đậu xe bên phải
4	Trần Quốc Thảo	Ngô Thời Nhiệm	Võ Văn Tần	12	Đậu xe bên phải (trừ vị trí trước nhà số 39)
	QUẬN 5				
1	An Dương Vương	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Duy Dương	19	
2	Nguyễn Thị Nhỏ	Trang Tử	Hồng Bàng	13	Đậu xe bên phải
3	Nguyễn Văn Cừ	Trần Phú	Trần Hưng Đạo	19,5	Đậu xe bên phải

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
4	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	14	
5	Trần Phú	Sư Vạn Hạnh	Nguyễn Duy Dương	19	Đậu xe bên trái
6	Tân Hưng	Thuận Kiều	Lương Nhữ Học	7	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ, theo giờ
7	Tân Thành	Đỗ Ngọc Thạnh	Thuận Kiều	8,5	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ, theo giờ
8	Phan Văn Trị	Lê Hồng Phong	Bùi Hữu Nghĩa	8	Đậu xe theo giờ
9	Tản Đà	Hồng Bàng	Nguyễn Trãi	7	Đậu xe 1 bên, theo giờ
10	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Nguyễn Trãi	18	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
	QUẬN 10				
1	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Hoàng Du Khương	15	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
2	Cao Thắng	3 Tháng 2	Hoàng Du Khương	11,5	
3	Nguyễn Chí Thanh	Trần Nhân Tôn	Lý Thường Kiệt	12,5	
4	Nguyễn Kim	3 Tháng 2	Nguyễn Chí Thanh	12	
5	Sư Vạn Hạnh	3 Tháng 2	Lý Thái Tổ	10,5	
6	Bắc Hải	Đồng Nai	Lý Thường Kiệt	19	
7	Thành Thái	Tô Hiến Thành	Bắc Hải	18	
8	Hoàng Du Khương	Cao Thắng	Hòa Hưng	9 - 10	
9	Nguyễn Giản Thanh	Trường Sơn	Bắc Hải	10	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
	QUẬN 11				
1	Minh Phụng	Cây Gõ	Bình Thới	14	
2	Lạc Long Quân	Âu Cơ	Tổng Văn Trân	18	
3	Tổng Văn Trân	Lạc Long Quân	Cuối đường	14	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
4	Tạ Uyên	Nguyễn Chí Thanh	3 Tháng 2	15	
5	Lê Đại Hành	3 Tháng 2	Nguyễn Thị Nhỏ	22	Đậu xe bên phải
6	Vĩnh Viễn	Lý Thường Kiệt	Lê Đại Hành	10,5	
7	Tuệ Tĩnh	Lãnh Binh Thăng	Tôn Thất Hiệp	13	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
		Chung cư Tuệ Tĩnh			Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
8	Đường số 2 Cư xá Lữ Gia	Đường số 52	Lý Thường Kiệt	12,5	Đậu xe bên phải
9	Nguyễn Thị Diệu Hương	Lý Thường Kiệt	Cuối đường	12	Đậu xe bên phải
	QUẬN TÂN PHÚ				
1	Chế Lan Viên	Trường Chinh	Nguyễn Hữu Tiến	18	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
2	Lê Trọng Tấn	Tân Kỳ Tân Quý	Bình Long	22	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ
	QUẬN BÌNH THẠNH				
1	Đình Bộ Lĩnh	Bạch Đằng	Điện Biên Phủ	14	
2	Điện Biên Phủ	Cầu Điện Biên Phủ	Xô Viết Nghệ Tĩnh	24	
3	Phan Xích Long	Vạn Kiếp	Trần Kế Xương	16	

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng đường (m)	Ghi chú
	QUẬN GÒ VẤP				
1	Nguyễn Văn Lượng	Thông Nhất	Nguyễn Hữu Tiến	15	Đậu xe 1 bên
	HUYỆN BÌNH CHÁNH				
1	Trần Đại Nghĩa	Cầu kênh B	Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	19	Đậu xe bên phải
	HUYỆN HÓC MÔN				
1	Lê Văn Khương	Cầu Dừa	Ngã Ba Đồn	10,5	Đậu xe theo ngày chẵn lẻ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng